

QUYẾT ĐỊNH

CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 20 tháng 9 năm 2022 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án Hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số: 125/2022/TLST-DS ngày 13 tháng 10 năm 2021

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Trương Thị Mỹ H1**, sinh năm 1979, địa chỉ: số ## Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Trương Thị Mỹ H1: Bà **Nguyễn Thị Khánh T** – Luật sư thuộc Văn phòng Luật sư Trần và cộng sự; địa chỉ: Số 117B Hùng Vương, thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị (theo Quyết định số 22/QĐCLS ngày 23/6/2021).

- Bị đơn Ông **Vĩnh H2**, sinh năm 1966, địa chỉ: Khối 4, thị trấn Khe Sanh, huyện Hướng Hóa, tỉnh Quảng Trị.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam; địa chỉ trụ sở: Số 02 Láng Hạ, quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà **Tổng Thị Lê K**, chức vụ: Giám đốc Phòng giao dịch số 1 Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh thành phố Đ(Theo giấy ủy quyền số 437/GUQ-NHNoHH-TH ngày 05/8/2021);

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về tài sản chung:

- Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan thoả thuận: Giao cho chị Trương Thị Mỹ H1 được sở hữu, sử dụng 01 Quyền sử dụng đất và

tài sản gắn liền trên đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AE 537036 tại thửa đất số 95b, tờ bản đồ số 13, diện tích 59m², địa chỉ thửa đất tại: Khu phố 2, phường 5, thị xã Đông Hà (nay là thành phố Đông Hà) do UBND thị xã Đông Hà cấp năm 2007 mang tên ông Vĩnh H2 và bà Trương Thị Mỹ H1, trị giá 1.276.631.000 đồng.

2.2. Về nợ chung: Chị Trương Thị Mỹ H1 có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh thành phố Đ – Phòng giao dịch số 1 theo Hợp đồng tín dụng số 3902-LAV-201902605 ngày 03/10/2019. Đảm bảo cho hợp đồng tín dụng là Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất số: 01/HĐTC ngày 12/10/2016 và các hợp đồng sửa đổi bổ sung Hợp đồng thế chấp kèm theo là 01 Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AE 537036 tại thửa đất số 95b, tờ bản đồ số 13, diện tích 59m², địa chỉ thửa đất tại: Khu phố 2, phường 5, thị xã Đông Hà (nay là thành phố Đông Hà) do UBND thị xã Đông Hà cấp năm 2007 mang tên ông Vĩnh H2 và bà Trương Thị Mỹ H1. Tính đến ngày 20/9/2022, chị Trương Thị Mỹ H1 còn nợ Ngân hàng số tiền 554.903.943 đồng (trong đó: Tiền gốc là 457.000.000 đồng; tiền lãi trong hạn: 66.876.041 đồng; lãi quá hạn: 29.905.829 đồng và lãi chậm trả: 1.122.073 đồng).

Kể từ ngày 21/9/2022, chị Trương Thị Mỹ H1 phải tiếp tục chịu khoản nợ lãi đối với khoản tiền nợ gốc cho đến khi thanh toán xong khoản tiền nợ gốc, theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 3902-LAV-201902605 ngày 03/10/2019 cho đến ngày trả hết nợ.

Trường hợp chị Trương Thị Mỹ H1 không trả nợ hoặc không trả nợ đầy đủ thì Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự kê biên phát mại xử lý tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất số: 01/HĐTC ngày 12/10/2016 và các hợp đồng sửa đổi bổ sung Hợp đồng thế chấp kèm theo để đảm bảo cho việc thi hành án.

2.3. Về án phí: Chị Trương Thị Mỹ H1 thuận chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền giá trị tài sản được hưởng là 16.434.541 đồng và án phí giải quyết về tranh chấp nợ là 13.098.079 đồng. Tổng án phí chị H1 phải chịu là 29.532.620 đồng. Chị Trương Thị Mỹ H1 đã nộp tiền tạm ứng án phí 8.750.000 đồng tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số AA/2016/0001171 ngày 31/5/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đông Hà và 10.000.000 đồng tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số CC/2021/0000055 ngày 19/11/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hướng Hóa, tỉnh Quảng Trị. Chị Trương Thị Mỹ H1 còn phải nộp tiếp số tiền án phí dân sự là 10.782.620 đồng.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật

Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Hướng Hóa;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thanh Ngọc

*Mẫu số 39-DS (Ban hành kèm theo Nghị quyết số 01/2017/NQ-HĐTP
ngày 13 tháng 01 năm 2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao)*

TÒA ÁN NHÂN DÂN.....⁽¹⁾

Số:...../...../QĐST-.....⁽²⁾

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

..., ngày..... tháng năm.....

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN.....

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông (Bà).....

Thẩm phán (nếu Hội đồng xét xử gồm có 5 người): Ông (Bà).....

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông (Bà).....

2. Ông (Bà).....

3. Ông (Bà).....

Căn cứ vào các điều 212, 213, 235 và 246 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số:.../.../TLST-....⁽³⁾ ngày...tháng... năm....

XÉT THẤY:

Tại phiên tòa các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:⁽⁴⁾

.....
.....

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:⁽⁵⁾

.....
.....

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

(6)

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 39-DS:

(1) Ghi tên Tòa án nhân dân ra quyết định công nhận sự thoả thuận của các đương sự; nếu là Tòa án nhân dân cấp huyện, thì cần ghi rõ Tòa án nhân dân huyện nào thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh H), nếu là Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, thì ghi rõ Tòa án nhân dân tỉnh (thành phố) đó (ví dụ: Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội).

(2) Ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm ra quyết định (ví dụ: Số: 56/2017/QĐST-KDTM).

(3) Ghi số ký hiệu và ngày, tháng, năm thụ lý vụ án (ví dụ: Số 50/2017/TLST-KDTM).

(4) Ghi họ tên, tư cách đương sự trong vụ án, địa chỉ nơi cư trú và nơi làm việc của các đương sự theo thứ tự như hướng dẫn cách ghi trong mẫu bản án sơ thẩm.

(5) Ghi đầy đủ lần lượt các thoả thuận của các đương sự về từng vấn đề phải giải quyết trong vụ án đã được thể hiện trong biên bản hoà giải thành (kể cả án phí).

(6) Phần cuối cùng của Quyết định cần phải có đầy đủ chữ ký, họ tên của các thành viên Hội đồng xét xử (Quyết định này phải lưu vào hồ sơ vụ án); Quyết định gửi cho các đương sự, cơ quan, tổ chức khởi kiện và Viện kiểm sát cùng cấp thì cần ghi như sau:

Nơi nhận:

- Ghi theo quy định tại đoạn 2 khoản 1 Điều 212 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

